

Số: 690/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án  
“Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu  
mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 3951/QĐ-BNN-KTHT ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN-PTNT ngày 22 tháng 02 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020” (có Kế hoạch kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức

năng có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND (*báo cáo*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Ngân hàng NNVN-Chi nhánh tỉnh BL;
- Đài PT-TH tỉnh;
- CVP; PCVP (T.Tài);
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, (Khanh-31) *✓*



## KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình Hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu  
(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 3951/QĐ-BNN-KTHT ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*”; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình Hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, với các nội dung như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Xây dựng được các mô hình Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả gắn sản xuất với tiêu thụ trong các chuỗi giá trị nông sản và có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh thuộc 02 lĩnh vực là lúa gạo và thủy sản (*tôm, artemia, nghêu, sò*).

#### 2. Yêu cầu:

- Tập trung củng cố, hoàn thiện các Hợp tác xã nông nghiệp hiện có hoặc thành lập mới trên các lĩnh vực lúa gạo, thủy sản (*tôm, artemia, nghêu, sò*) hoạt động có hiệu quả; việc đánh giá, lựa chọn Hợp tác xã nông nghiệp tham gia xây dựng mô hình thí điểm phải đáp ứng tiêu chí lựa chọn Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm (*hoặc Hợp tác xã phải cam kết đảm bảo các tiêu chí lựa chọn khi tham gia*) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Xây dựng mô hình Hợp tác xã thực hiện nhiều hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, tín dụng nội bộ cho thành viên; mở rộng phạm vi liên kết theo chuỗi giá trị bền vững giữa Hợp tác xã gắn kết với doanh nghiệp đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

- Các Hợp tác xã được lựa chọn phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của Hợp tác xã (*được sự thống nhất cao của toàn thể thành viên*), kết hợp lồng ghép được các nguồn lực của nhà nước, doanh nghiệp, Hợp tác xã và thành viên Hợp tác xã.

### II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020

Lựa chọn, xây dựng hoàn thiện mô hình Hợp tác xã hoạt động hiệu quả cho 15 Hợp tác xã nông nghiệp (*trong đó có 10 Hợp tác xã lúa gạo, 05 Hợp tác xã thủy*

sản); các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn ít nhất 01 Hợp tác xã thực hiện thí điểm xây dựng mô hình thí điểm (ngoài Hợp tác xã tỉnh đã thực hiện).

### III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

#### 1. Đánh giá thực trạng hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp:

- Trong năm 2016, thành lập mới được 07 Hợp tác xã, nâng tổng số Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 61 Hợp tác xã nông nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, diêm nghiệp và dịch vụ tổng hợp; với tổng số thành viên 5.176 người, chủ yếu là đại diện hộ gia đình; tổng vốn điều lệ đăng ký 31.452 triệu đồng; công tác tổ chức đăng ký lại hoạt động cho Hợp tác xã được thực hiện ngay khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực, đến nay có 49/61 Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 (20 Hợp tác xã được thành lập mới sau Luật Hợp tác xã năm 2012, 29 Hợp tác xã đã đăng ký lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012); còn 02 Hợp tác xã chưa thực hiện đăng ký lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; 10 Hợp tác xã ngừng hoạt động chờ củng cố lại hoặc giải thể; hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu phục vụ phát triển kinh tế hộ thành viên, một số Hợp tác xã bước đầu đã tổ chức, tập hợp thành viên thực hiện liên kết sản xuất với doanh nghiệp mang lại hiệu quả sản xuất cao hơn cho thành viên.

- Các Hợp tác xã đã chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 tạo được sự liên kết hợp tác sản xuất trong nông nghiệp, hoạt động có hiệu quả, vốn điều lệ tăng, điển hình như Hợp tác xã Vĩnh Cường, Hợp tác xã Thanh Sơn, Hợp tác xã Artemia Vĩnh Châu, Hợp tác xã tôm, cua giống Gành Hào, Hợp tác xã Đại Phát, ... doanh thu hàng năm từ vài trăm triệu đến vài tỷ đồng; Hợp tác xã có điều kiện thực hiện chi trả lương cho cán bộ quản lý và lao động, trả lãi cho thành viên, tích lũy vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh, đóng bảo hiểm xã hội cho lao động làm việc tại Hợp tác xã; đặc biệt đối với lĩnh vực sản xuất lúa gạo có Hợp tác xã Vĩnh Cường, Thanh Sơn, ... tạo được sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa với doanh nghiệp theo mô hình chuỗi giá trị.

#### \* Những khó khăn, tồn tại:

- Số Hợp tác xã nông nghiệp hiệu quả hoạt động ở mức trung bình và yếu chiếm tỷ lệ còn cao; một số Hợp tác xã được thành lập chưa thật sự tự nguyện, hoạt động chưa đúng Luật Hợp tác xã, không tổ chức đại hội thường niên, không mở sổ sách kế toán (có mở sổ kế toán nhưng chưa đúng quy định), Hợp tác xã thành lập nhưng chưa hoạt động do thành viên không góp vốn; một số Hợp tác xã còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho Hợp tác xã chưa kịp thời; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Hợp tác xã đạt hiệu quả chưa cao; Hợp tác xã khó tiếp cận các chính sách ưu đãi, nhất là nguồn vốn tín dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh; cán bộ quản lý Hợp tác xã còn hạn chế về trình độ năng lực, nhất là thiếu kinh nghiệm quản lý, thiếu kiến thức trong tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh; Hợp tác xã chưa có kinh nghiệm làm ăn tập thể, năng lực nội tại còn yếu (cụ thể là quy mô thành viên, vốn hoạt động nhỏ bé, không có trụ sở

làm việc, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh; chưa được giao đất, cho thuê đất do quỹ đất công của hầu hết các xã, phường, thị trấn không còn).

## **2. Công tác triển khai thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ:**

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình Hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Ban Chỉ đạo tỉnh có 22 thành viên, gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng Ban; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Phó Trưởng Ban Thường trực, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh là các Phó Trưởng Ban; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu là ủy viên; mời Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn là ủy viên.

- Đã tổ chức triển khai quán triệt các nội dung Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*”, Quyết định số 3951/QĐ-BNN-KTHT ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch triển khai, thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; thống nhất lựa chọn Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới với các ngành và địa phương; hướng dẫn Hợp tác xã được chọn tham gia xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận.

### **3. Lộ trình xây dựng mô hình thí điểm:**

**a) Năm 2016:** Thực hiện các công việc chuẩn bị để triển khai các Kế hoạch; trong quý IV năm 2016 triển khai một số nhiệm vụ sau:

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh).

- Tổ chức hội nghị quán triệt triển khai các văn bản liên quan, quan điểm chỉ đạo; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan.

- Tiến hành rà soát, thống nhất lựa chọn 15 Hợp tác xã nông nghiệp (*lúa gạo, tôm, artemia, nghêu sò*) tham gia xây dựng mô hình thí điểm theo tiêu chí lựa chọn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chi tiết xem phụ lục 01, 02*); giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thẩm tra, thống nhất lựa chọn các Hợp tác xã tham gia thí điểm.

- Hướng dẫn các Hợp tác xã được chọn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và nhu cầu hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác nhận, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố tổng hợp phương án sản xuất, kinh doanh và nhu cầu hỗ trợ của các Hợp tác xã được chọn tham gia xây dựng mô hình thí điểm để xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ cho các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*chi tiết xem phụ lục 3*); tổng hợp nhu cầu hỗ trợ hạ tầng, vay vốn thực hiện các hoạt động của Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm (*chi tiết xem phụ lục 4 và 5*); tổng hợp nhu cầu kinh phí và phân kỳ thực hiện Kế hoạch thí điểm (*chi tiết xem phụ lục 6*).

#### **b) Năm 2017 - 2018:**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm đã được phê duyệt; cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp và Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm.

- Hướng dẫn các Hợp tác xã điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh theo Kế hoạch thí điểm được phê duyệt trình Đại hội xã viên thông qua.

- Triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp thí điểm theo kế hoạch vốn năm 2017: Thực hiện công tác đào tạo cán bộ; tập trung hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã và thành viên.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện liên kết với các Hợp tác xã trong xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

- Kiểm tra, giám sát đối với các Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm.

- Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm.

#### **c) Năm 2019 - 2020:**

- Tiếp tục công tác hỗ trợ hoàn thiện Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm; mở rộng và phát triển quy mô phù hợp nhu cầu sản xuất, điều kiện và nguyện vọng của thành viên Hợp tác xã; hỗ trợ đào tạo cán bộ, củng cố các Hợp tác xã nông nghiệp khác để nhân rộng.

- Phân đầu xây dựng 01 mô hình thí điểm liên hiệp Hợp tác xã lúa gạo quy mô tỉnh; tổ chức và hoạt động phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có ít nhất 04 Hợp tác xã thành viên (*mỗi Hợp tác xã có ít nhất 100 thành viên*), vốn điều lệ ít nhất 01 tỷ đồng và tăng dần theo các năm.

- Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thí điểm xây dựng hoàn thiện mô hình; xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình ra toàn tỉnh.

#### **4. Nội dung và giải pháp hỗ trợ Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm:**

**a) Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý Hợp tác xã nông nghiệp, chuyên gia tư vấn, cán bộ quản lý nhà nước các cấp về kinh tế hợp tác - hợp tác xã giai đoạn 2017 - 2020:**

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ quản lý Hợp tác xã (*Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, kế toán*); nội dung đào tạo, tập huấn: Kỹ năng quản lý hợp tác xã, kỹ năng xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kỹ năng tổ chức sản xuất và tham gia chuỗi giá trị nông sản, ... tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 05 lớp, số người được đào tạo là 150 người; kinh phí thực hiện 444,75 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương 420 triệu đồng, địa phương 24,75 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 07*).

- Bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật cho thành viên Hợp tác xã là những nông dân sản xuất giỏi; nội dung: Các kỹ thuật sản xuất tiên tiến về nuôi trồng thủy sản và trồng lúa; tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 07 lớp, số người được đào tạo là 210 người; kinh phí là 326,9 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương 210 triệu đồng, địa phương là 116,9 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 08*).

- Đào tạo, tập huấn chuyên đề cho đội ngũ cán bộ quản lý; tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 04 lớp, số người được đào tạo là 120 người; kinh phí là 355,8 triệu; trong đó, ngân sách Trung ương là 280 triệu đồng, địa phương là 175,8 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 07*).

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn; đối tượng đào tạo là cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố; nội dung: Kiến thức về quản lý điều hành hoạt động Hợp tác xã, Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã và liên kết theo chuỗi trong sản xuất nông nghiệp; phương pháp xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, xây dựng điều lệ, công tác kiểm soát, kế toán, ...; tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 05 lớp, số người được đào tạo 150 người; kinh phí là 319,75 triệu đồng; trong đó, ngân sách Trung ương là 210 triệu đồng, địa phương là 109,75 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 09*).

- Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, ấp; nội dung: kiến thức về Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã và liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp,... tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 09 lớp, số người được đào tạo 270 người; kinh phí là 575,55 triệu đồng; trong đó, ngân sách Trung ương là 560 triệu đồng, địa phương là 15,55 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 09*).

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp; nội dung: kiến thức quản lý nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện các chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, ... tổng số lớp đào tạo giai đoạn 2017 - 2020 là 06 lớp, số người được đào tạo là 180 người; kinh phí là 383,7 triệu đồng; trong đó, ngân sách Trung ương là 280 triệu đồng, địa phương là 103,7 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 09*).

- Hỗ trợ cho cán bộ tư vấn của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Kinh tế hợp tác - Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II thành phố Hồ Chí Minh đến trực tiếp tư vấn; giúp nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã nông nghiệp; với phương thức gặp gỡ trao đổi và tư vấn trực tiếp các vấn đề về quản lý, xây dựng kế hoạch hoạt động của các bộ phận chức năng, hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể, phù hợp với điều kiện từng Hợp tác xã; tư vấn theo yêu cầu của Hợp tác xã; nhu cầu tư vấn giai đoạn 2017 - 2020 là 25 Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (*trong đó có 15 Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm*); tổng kinh phí là 382,5 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương (*chi tiết xem phụ lục số 06, 10*).

- Ưu tiên gắn kết các Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn hỗ trợ đào tạo nghề cho thành viên của các Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm; hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, nâng cao thu nhập cho thành viên Hợp tác xã từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### **b) Thành lập mới, tổ chức lại hoạt động Hợp tác xã:**

Giai đoạn 2017 - 2020; mỗi năm hỗ trợ thành lập mới 16 Hợp tác xã nông nghiệp; trong năm 2017, giao Liên minh hợp tác xã phối hợp các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai hỗ trợ 02 Tổ hợp tác nuôi tôm (*Thành Công I và Thái Bình*) các điều kiện để thành lập Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm; hỗ trợ thực hiện tổ chức lại hoạt động cho các Hợp tác xã nông nghiệp chưa tổ chức lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; trong năm 2019 - 2020, hỗ trợ thành lập 01 Liên hiệp Hợp tác xã lĩnh vực lúa gạo; kinh phí là 2.113,50 triệu đồng; trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ là 2.010 triệu đồng, địa phương hỗ trợ là 103,15 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06, 11*).

**c) Tăng cường thực hiện các giải pháp huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, đối ứng xây dựng hạ tầng thiết yếu cho các Hợp tác xã tham gia thí điểm:**

- Cùng cố và nâng cao năng lực hoạt động (*cả nguồn vốn và chuyên môn*) của các quỹ tài chính Nhà nước địa phương (*Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh; ...*); giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cùng cố hoạt động



của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; phương án bố trí nguồn vốn, cán bộ chuyên môn; mở rộng các hình thức cho vay tín chấp, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng hỗ trợ Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm vay theo hình thức tín chấp.

- Hỗ trợ Hợp tác xã thực hiện có hiệu quả hoạt động tín dụng nội bộ: Số lượng Hợp tác xã sẽ tham gia hoạt động tín dụng nội bộ 15 Hợp tác xã; tùy theo điều kiện cụ thể của từng Hợp tác xã; Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan hướng dẫn các Hợp tác xã thực hiện tín dụng nội bộ; phấn đấu đến cuối năm 2019 tất cả các Hợp tác xã tham gia thí điểm có thực hiện tín dụng nội bộ.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Bạc Liêu chỉ đạo hệ thống Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh thực hiện hướng dẫn Hợp tác xã vay vốn không có tài sản đảm bảo và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (có 05 Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm có nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ, với số vốn 3.900 triệu đồng); Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (có 05 Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm có nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh theo Quyết định 68/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; với số vốn là 7.248 triệu đồng) (chi tiết xem phụ lục 05); chỉ đạo thực hiện thí điểm một số mô hình giúp Hợp tác xã vay vốn từ các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tư vấn giúp Hợp tác xã tham gia thí điểm xây dựng các phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, trình Đại hội thường niên thông nhất, góp vốn của thành viên thực hiện các hoạt động của Hợp tác xã (hoạt động cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất, đối ứng xây dựng hạ tầng thiết yếu) nhằm hỗ trợ phục vụ tốt hơn hoạt động sản xuất, kinh doanh của thành viên.

**d) Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thu hút và đào tạo nâng cao năng lực cán bộ khoa học kỹ thuật của Hợp tác xã nông nghiệp:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút nguồn nhân lực có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật, ưu tiên cán bộ nông nghiệp ở cơ sở về làm việc lâu dài tại Hợp tác xã nông nghiệp.

**đ) Phát triển, mở rộng liên kết sản xuất và đẩy mạnh mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản:**

- Hỗ trợ các Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm các hoạt động về xúc tiến thương mại như: Quảng bá giới thiệu sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn (bao gồm hỗ trợ trưng bày sản phẩm tại các cuộc hội chợ, triển lãm thương mại); thông

tin nhu cầu thị trường; mở rộng kênh phân phối; kinh phí hỗ trợ xúc tiến thương mại 1.675 triệu đồng (*chi tiết xem phụ lục số 06*).

- Hỗ trợ, tư vấn cho các Hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh dài hạn một cách hiệu quả và khả thi nhằm tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực (*đặc biệt là các vốn kinh doanh*) và thúc đẩy liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Chỉ đạo các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, chính quyền địa phương mời gọi và tạo điều kiện để các doanh nghiệp có tiềm năng trong và ngoài tỉnh (*cung cấp vật tư đầu vào, tiêu thụ, chế biến xuất khẩu*) thực hiện ký hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị với các Hợp tác xã, tiêu thụ sản phẩm (*lúa, gạo, tôm, artemia, nghêu, sò, ...*) của các Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm và các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình khuyến nông gắn với mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và các Hợp tác xã.

- Kết nối các doanh nghiệp hỗ trợ Hợp tác xã xây dựng các gian hàng quảng bá, giới thiệu, trưng bày sản phẩm; liên kết đầu vào, đầu ra sản phẩm nông sản cho các Hợp tác xã thí điểm.

**e) Hỗ trợ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp cho các Hợp tác xã:** Trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của 15 Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm và thành viên; ưu tiên hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng có tính cấp thiết ở năm 2017, năm đầu thực hiện Kế hoạch thí điểm; các công trình còn lại sẽ tiếp tục đầu tư năm 2018; cụ thể số lượng công trình và nguồn vốn đầu tư như sau:

- Tổng số công trình hỗ trợ đầu tư cho Hợp tác xã tham gia thí điểm: 42 công trình; trong đó, hỗ trợ xây mới 05 công trình nhà kho, 06 công trình cửa hàng vật tư, 12 công trình thủy lợi (*bao gồm trạm bơm, cống, thủy lợi nội đồng, đê bao*), 02 công trình giao thông nội đồng; 03 công trình xưởng sơ chế, 01 công trình xưởng chế biến, 02 lò sấy (*bao gồm hệ thống sấy lúa, sàng lọc, trang thiết bị phục vụ chế biến thủy sản*), 10 công trình trụ sở làm việc và 01 công trình sân phơi; hỗ trợ sửa chữa 01 trạm bơm, nạo vét kênh nội đồng và mua 02 máy bơm phục vụ tưới tiêu.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện : 36.895,4 triệu đồng; bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương : 28.976,3 triệu đồng.

+ Đối ứng của Hợp tác xã : 7.244,1 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương : 675,0 triệu đồng.

- Thực hiện trong năm 2017: Hỗ trợ Hợp tác xã tham gia thí điểm đầu tư xây dựng 19 công trình, bao gồm: Hỗ trợ xây mới 03 nhà kho, 06 cửa hàng vật tư, 04 công trình thủy lợi (*trạm bơm, cống, thủy lợi nội đồng, đê bao*), 01 công trình giao thông nội đồng, 02 công trình xưởng sơ chế, 03 lò sấy (*bao gồm hệ thống sấy lúa, sàng lọc, trang thiết bị phục vụ chế biến thủy sản*); hỗ trợ sửa chữa 01 trạm bơm (3 cống, các cửa cống điều tiết nước trạm bơm) của Hợp tác xã Thành Công 1 (*dự kiến thành lập từ Tổ hợp tác Thành Công 1*); nạo vét các tuyến kênh nội đồng, dài

5.000 m và hỗ trợ mua 02 máy bơm phục vụ tưới tiêu (*Hợp tác xã thí điểm*), kinh phí thực hiện 675 triệu đồng (*ngân sách địa phương*).

Tổng nhu cầu vốn thực hiện trong năm 2017 :10.661,0 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương :7.988,8 triệu đồng.

+ Đối ứng của Hợp tác xã :1.997,2 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương : 675,0 triệu đồng.

- Thực hiện trong năm 2018: Hỗ trợ Hợp tác xã tham gia thí điểm đầu tư 23 công trình, bao gồm: Hỗ trợ xây mới 02 nhà kho, 08 công trình thủy lợi (*trạm bơm, cống, thủy lợi nội đồng, đê bao*), 01 công trình giao thông nội đồng, 01 xưởng chế biến, 10 trụ sở làm việc và 01 sân chơi.

Tổng nhu cầu vốn thực hiện trong năm 2018 : 26.234,4 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương : 20.987,5 triệu đồng.

+ Đối ứng của Hợp tác xã : 5.246,9 triệu đồng.

(*chi tiết xem phụ lục 06*).

**g) Thực hiện truyền thông, tuyên truyền về Hợp tác xã kiểu mới và Hợp tác xã xây dựng mô hình thí điểm:**

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền về mô hình Hợp tác xã kiểu mới, Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm nhằm nâng cao nhận thức về mô hình Hợp tác xã kiểu mới và trách nhiệm thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm của các cơ quan và chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở và nông dân trên địa bàn Hợp tác xã thí điểm và toàn tỉnh.

- Với nhiều hình thức truyền thông, thông tin tuyên truyền đa dạng, phong phú như: Khuyến khích lực lượng phóng viên báo, đài, cán bộ phụ trách phát triển kinh tế hợp tác - hợp tác xã,...tham gia viết bài về Hợp tác xã đăng trên các báo, website; đưa tin thông qua bản tin, phóng sự, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng các pa nô, áp phích, băng rôn và khẩu hiệu tuyên truyền tại các Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm, trên địa bàn các xã trong tỉnh.

- Nội dung truyền thông, thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về Hợp tác xã kiểu mới và việc thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm; bản chất, vị trí, vai trò của mô hình Hợp tác xã kiểu mới trong phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; mô hình Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã hoạt động hiệu quả trong thực hiện liên kết sản xuất - tiêu thụ, xây dựng vùng nguyên liệu với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu.

- Kinh phí: Ngân sách địa phương 320 triệu đồng (*hỗ trợ thực hiện các bản tin, phóng sự, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, 01 cuộc/quý, tổng cộng giai đoạn 2017 - 2020 là 16 cuộc*); nguồn xã hội hóa thực hiện xây dựng các pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, ...

h) **Hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình Hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo; huy động cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham gia thực hiện Kế hoạch này; kinh phí về công tác phí kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch thí điểm; tổ chức hội nghị, hội thảo tại tỉnh trao đổi kinh nghiệm thực tiễn sản xuất, kinh doanh giữa các Hợp tác xã; nội dung: Trao đổi kinh nghiệm trong thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất, liên kết sản xuất với doanh nghiệp; tổ chức các cuộc họp sơ, tổng kết của Ban Chỉ đạo tỉnh; ...; tổng kinh phí giai đoạn 2017 - 2020 là 1.748 triệu đồng (ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện). (chi tiết xem phụ lục số 06, 12).

**5. Phân kỳ thực hiện đầu tư:** Trong các năm 2017, 2018, ưu tiên thực hiện các hoạt động hỗ trợ các Hợp tác xã xây dựng các công trình hạ tầng cần thiết nhất phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của thành viên; hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý Hợp tác xã, cán bộ quản lý nhà nước; xây dựng hoàn thiện mô hình cho các Hợp tác xã thí điểm; năm 2019 - 2020 tiếp tục thực hiện hỗ trợ các Hợp tác xã thí điểm và tất cả Hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng kế hoạch nhân rộng ra địa bàn toàn tỉnh (chi tiết xem phụ lục số 06).

**6. Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch (dự kiến): 57.497,3 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách Trung ương : 34.559,0 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương : 3.734,2 triệu đồng.
- Đối ứng của Hợp tác xã : 8.056,1 triệu đồng.
- Tín dụng chính sách và thương mại : 11.148,0 triệu đồng.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:** Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Kế hoạch về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách tỉnh; hướng dẫn Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm các thủ tục về lập và trình phê duyệt các dự án đầu tư hạ tầng; thanh quyết toán kinh phí nhà nước hỗ trợ; xây dựng các chính sách có liên quan đến lĩnh vực Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình Hợp tác xã nông nghiệp cho giai đoạn tiếp theo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:** Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, thẩm định, tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo lộ trình thực hiện Kế hoạch, nội dung ưu tiên hỗ trợ cho các Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; hướng dẫn Hợp tác xã các thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng.

**3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:** Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo lộ trình thực hiện Kế hoạch, nội dung ưu tiên hỗ trợ cho các Hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán; kiểm tra, giám sát việc sử dụng thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo quy định.

**4. Sở Công Thương chịu trách nhiệm:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chương trình xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản cho Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm; hướng dẫn các hợp tác xã thí điểm tham gia quản lý, kinh doanh, khai thác chợ nông thôn; thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng gian hàng trưng bày, giới thiệu, quảng bá thương hiệu nông sản của Hợp tác xã.

**5. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:** Hướng dẫn các Hợp tác xã thực hiện các chính sách, quy định về quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch và các quy định của pháp luật về đất đai; chính sách và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**6. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm xây dựng dự án, tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật sản xuất mới, sản xuất sạch; hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa.

**7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh chịu trách nhiệm:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các Hợp tác xã thí điểm xây dựng kế hoạch hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn Hợp tác xã thí điểm về công tác nghiệp vụ trong quản lý, điều hành; thực hiện công tác hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ Hợp tác xã thí điểm; tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã thực hiện chức năng bảo lãnh tín dụng cho Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm.

**8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm:** Chỉ đạo hệ thống Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện, hướng dẫn các thủ tục để các Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm tiếp cận tín dụng không có tài sản đảm bảo theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ, vay vốn theo các mô hình liên kết; vay vốn mua máy móc phục vụ sản xuất theo phương án, dự án sản xuất, kinh doanh được thẩm định theo quy định; hướng dẫn hỗ trợ các Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ.

**9. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức Đoàn thể có liên quan:** Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Đoàn thể các cấp và các thành viên; các tổ chức đoàn thể chính trị, các hội quần chúng các cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã; cơ chế chính sách liên quan đến thực hiện Kế hoạch thí điểm; vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng và phát triển Hợp tác xã, tham gia xây dựng mô hình thí điểm; hướng dẫn hội viên tham gia phong trào xung kích trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng bền vững, mô hình cánh đồng lớn có thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

**10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chịu trách nhiệm:** Tổ chức tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển Kinh tế hợp tác, Hợp tác xã; về thực hiện Kế hoạch thí điểm; thường xuyên đưa tin, phóng sự, ... về hoạt động, mô hình của Hợp tác xã kiểu mới, các mô hình cánh đồng lớn, vùng nguyên liệu liên kết với doanh nghiệp; tuyên truyền về vị trí và vai trò của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

**11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn mình quản lý:**

- Lựa chọn, thống nhất danh sách Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tham gia xây dựng mô hình thí điểm; xây dựng Kế hoạch thí điểm xây dựng mô hình Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hoạt động hiệu quả trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (*phối hợp thực hiện các mô hình thí điểm cấp tỉnh, trực tiếp triển khai thực hiện các mô hình thí điểm cấp huyện*).

- Chỉ đạo đơn vị chức năng hỗ trợ củng cố tổ chức, hoạt động của Hợp tác xã tham gia thí điểm đúng Luật Hợp tác xã hiện hành; hướng dẫn Hợp tác xã tổ chức đầy đủ các hoạt động theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*chú trọng hoạt động tín dụng nội bộ, hoạt động liên kết tiêu thụ, ...*); phân công tổ chức, cá nhân giúp đỡ các Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo tỉnh để triển khai thực hiện kế hoạch tại địa bàn mình quản lý.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Đoàn thể cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, hộ nông dân sản xuất lúa, thủy sản trên địa bàn tỉnh nguyện tham gia Hợp tác xã nông

nghiệp sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn có thực hiện liên kết sản xuất, cam kết cùng Hợp tác xã thực hiện thí điểm xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả theo Kế hoạch được phê duyệt.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch thí điểm xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn mình quản lý; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh*) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án “*Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*”, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu phải kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và thống nhất đề xuất các biện pháp giải quyết, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



*Dương Thành Trung*

## Phụ lục số 01:

**TỔNG HỢP LỰA CHỌN HỢP TÁC XÃ THAM GIA KẾ HOẠCH THỊ ĐIỂM**

(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Hợp tác xã	Lĩnh vực hoạt động liên quan QĐ 445	Mức độ đạt tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT										
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4				Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7	Tiêu chí 8
			Có đơn tự nguyện tham gia	Hợp tác xã hoạt động đúng luật	Liên kết với doanh nghiệp	Vốn điều lệ tối thiểu của TV 2 triệu/TV	Vốn chủ sở hữu từ 300 triệu trở lên	Không có nợ đọng	Cơ sở hạ tầng thuận lợi	Hoạt động tin dụng nội bộ	Phương án sản xuất - kinh doanh rõ ràng và khả thi	Giám đốc nhiệt tình, uy tín, có năng lực	Có bố trí cán bộ kỹ thuật phù hợp
1	Hợp tác xã Tiên Đạt	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Chưa đạt	Chưa đạt	Không	Chưa	Chưa	Có	Có	Chưa
2	Hợp tác xã Nam Hưng	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Chưa đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
3	Hợp tác xã Thanh Sơn	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Chưa	Chưa	Có	Có	Chưa
4	Hợp tác xã Vĩnh Cường	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
5	Hợp tác xã Quyết Tiến	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Chưa đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
6	Hợp tác xã Tiên Tiến	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Chưa đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
7	Hợp tác xã Thành Công	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Chưa đạt	Chưa đạt	Không	Chưa	Chưa	Có	Có	Chưa
8	Hợp tác xã Thị điểm	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
9	Hợp tác xã 14/10	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Chưa đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
10	Hợp tác xã Nông nghiệp Xanh	Lúa gạo	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Chưa
11	Hợp tác xã Artemia Vĩnh Châu	Thủy sản	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Có	Chưa	Có	Có	Có
12	Hợp tác xã nuôi nghêu, sò Đồng Tiến	Thủy sản	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Đạt	Không	Chưa	Chưa	Có	Có	Có
13	Hợp tác xã Doanh Diễn	Thủy sản	Đạt	Đạt	Có	Đạt	Chưa đạt	Không	Chưa	Chưa	Có	Có	Có



**Phụ lục số 02:**

**DANH SÁCH THÀNH LẬP MỚI HỢP TÁC XÃ THAM GIA KẾ HOẠCH THỊ ĐIỂM**

*(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên tổ hợp tác hiện tại	Địa điểm hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng tổ viên	HD liên kết với doanh nghiệp	Nguyên vọng thành lập Hợp tác xã	Tên hợp tác xã dự kiến thành lập (nếu có)
1	Tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản Thái Bình	Áp 2, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai	Nuôi trồng thủy sản	24	Chưa	Có	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Thái Bình
2	Tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản Thành Công 1	Áp 18, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai	Nuôi trồng thủy sản	53	Có	Có	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Thành Công 1

## Phụ lục số 03:

## PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, NGÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỊ ĐIỂM

(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Năm 2016:</b>					
1	Thành lập Ban chỉ đạo của địa phương	Ban chỉ đạo của tỉnh	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11 năm 2016
2	Rà soát, lựa chọn Hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình thí điểm	Các Hợp tác xã do các huyện lựa chọn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 năm 2016
3	Tổng hợp, chốt danh sách Hợp tác xã, Tổ hợp tác lựa chọn gửi Bộ	Hợp tác xã, Tổ hợp tác thành lập Hợp tác xã đưa vào thí điểm	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 năm 2016
4	Chỉ đạo Hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và nhu cầu hỗ trợ	Phương án sản xuất kinh doanh và biểu nhu cầu của Hợp tác xã thí điểm	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 năm 2016
5	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg của địa phương	Kế hoạch của tỉnh phê duyệt	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 năm 2016
6	Tổng hợp kinh phí thực hiện theo Kế hoạch của địa phương gửi Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo tổng hợp kinh phí thực hiện của địa phương	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 năm 2016
7	Triển khai Kế hoạch thí điểm của tỉnh đến các HTX nông nghiệp tham gia thí điểm và các huyện có	Hội nghị triển khai của tỉnh	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các	Tháng 12 năm 2016

	liên quan				huyện, thị xã, thành phố	
II	Năm 2017 - 2018:					
1	Hướng dẫn các Hợp tác xã điều chỉnh phương án thí điểm theo Kế hoạch tỉnh phê duyệt trình Đại hội xã viên thông qua	Phương án thí điểm điều chỉnh theo kế hoạch của tỉnh được Đại hội xã viên thông qua	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2017
2	Triển khai công tác truyền thông, thông tin, tuyên truyền	Các nội dung thực hiện truyền thông, thông tin, tuyên truyền theo Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đài PT-TH, Liên Minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2020
3	Lập và triển khai các dự án, chương trình hỗ trợ mô hình thí điểm theo Kế hoạch của tỉnh phê duyệt	Dự án, chương trình hỗ trợ Hợp tác xã của tỉnh	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2017
a	Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực quản trị, kinh doanh cho cán bộ quản lý Hợp tác xã nông nghiệp					
-	Nâng cao năng lực quản trị của cán bộ quản lý Hợp tác xã	Lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý	Liên minh Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I - II/2017
-	Đào tạo/tập huấn cơ bản theo Chương trình đào tạo bồi dưỡng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng 03 chức danh theo Kế hoạch hàng năm	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2017
-	Đào tạo, tập huấn chuyên đề	Các lớp đào tạo/tập huấn chuyên đề	Liên minh Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2017
-	Tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm thực tiễn sản xuất, kinh doanh của các Hợp tác xã	Cuộc hội thảo, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2017
b	Tăng cường các giải pháp huy					

	động vốn cho sản xuất kinh doanh					
-	Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã	Các các Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã được củng cố, phát triển	Liên minh Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2017
-	Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng nội bộ trong hợp tác xã và thí điểm một số mô hình huy động nguồn vốn giữa các Hợp tác xã	Các Hợp tác xã hoạt động tín dụng nội bộ hiệu quả và mô hình thí điểm huy động nguồn vốn giữa các Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I- II/2017
-	Duy trì và phát triển các hình thức cho vay của các ngân hàng thương mại theo liên kết chuỗi giá trị và cho vay mua máy, thiết bị	Các Hợp tác xã tiếp cận với nguồn vốn vay tín dụng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2020
-	Huy động các nguồn vốn tham gia của các doanh nghiệp liên kết với Hợp tác xã	Các doanh nghiệp tham gia liên kết hỗ trợ kinh phí	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2020
-	Huy động các nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế	Các Chương trình, Dự án hỗ trợ	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2020
c	Hỗ trợ thu hút và đào tạo nâng cao năng lực cán bộ khoa học kỹ thuật của Hợp tác xã nông nghiệp					
-	Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích nhân lực trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của Hợp tác xã về làm việc lâu dài tại Hợp tác xã	Những người có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật về làm việc lâu dài cho các Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2017

-	Hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ Hợp tác xã	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên môn kỹ thuật Hợp tác xã nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2018
-	Tăng cường cán bộ cơ sở có trình độ chuyên môn phù hợp ( <i>ưu tiên cán bộ khuyến nông</i> ) đến làm việc tại các Hợp tác xã	Cán bộ cơ sở có trình độ chuyên môn phù hợp đến làm việc tại các Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2018
-	Mời gọi các chuyên gia ngành nông nghiệp và các ngành khác liên quan thực hiện việc tư vấn, chuyên gia cho Hợp tác xã	Các chuyên gia ngành nông nghiệp và các ngành khác liên quan hợp đồng nhiệm vụ với các Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2017 - 2018
-	Gắn kết các Chương trình khuyến nông đào tạo nghề theo mô hình thực hành nông nghiệp tốt cho cán bộ kỹ thuật và thành viên của các Hợp tác xã	Các lớp khuyến nông đào tạo nghề theo mô hình thực hành nông nghiệp tốt cho cán bộ kỹ thuật và thành viên của các Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017 - 2018
d	Phát triển, mở rộng liên kết sản xuất và đẩy mạnh mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản					
-	Hỗ trợ, tư vấn cho các Hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; tiếp cận các nguồn lực ( <i>đặc biệt là vốn kinh doanh</i> ) và thúc đẩy liên kết tiêu thụ sản phẩm	Các Hợp tác xã được hỗ trợ, tư vấn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; tiếp cận các nguồn lực và thúc đẩy liên kết tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017
-	Hỗ trợ các Hợp tác xã quảng bá thương hiệu, nhãn mác sản phẩm để nâng cao giá trị sản phẩm	Các Hợp tác xã được hỗ trợ quảng bá thương hiệu, nhãn mác sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,	Năm 2017 - 2020

					thành phố	
-	Mời gọi và tạo điều kiện để các doanh nghiệp hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị với các Hợp tác xã, tiêu thụ nông sản; xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, cánh đồng lớn	Các Doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng cánh đồng lớn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017 - 2018
d	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp	Hợp tác xã được hỗ trợ hạ tầng theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017 - 2018
3	Chỉ đạo và thực hiện việc thành lập mới các Hợp tác xã	Các Hợp tác xã thành lập mới	Liên minh Hợp tác xã	Liên minh Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017 - 2018
4	Kiểm tra, giám sát đối với các mô hình thí điểm Hợp tác xã lúa gạo, thủy sản	Biên bản kiểm tra của cơ quan Trung ương và địa phương	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2017 - 2018
5	Sơ kết, rút kinh nghiệm đối với mô hình Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đã được xây dựng	Hội nghị sơ kết của tỉnh	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2018
III	<b>Năm 2019 - 2020:</b>					
1	Hoàn thiện các mô hình Hợp tác xã thí điểm	Các mô hình Hợp tác xã thí điểm hoàn thiện	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019 - 2020
2	Nhân rộng, phát triển quy mô của các mô hình Hợp tác xã thí điểm	Các mô hình Hợp tác xã mở rộng quy mô	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019 - 2020

3	Kiểm tra, giám sát đối với các mô hình thí điểm Hợp tác xã lúa gạo, thủy sản	Biểu. Văn kiểm tra của cơ quan Trung ương và địa phương	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2020
4	Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình Hợp tác xã nông nghiệp	Báo cáo, hội nghị tổng kết thí điểm đối với Hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2020

**Phục lục số 04:**  
**NHU CẦU HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA**  
**CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CỦA HỢP TÁC XÃ THAM GIA KẾ HOẠCH THỈ ĐIỂM**  
*(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên Hợp tác xã	Tên công trình hạ tầng	Quy mô	Nhu cầu kinh phí					Năm thực hiện đầu tư
				Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Đổi ứng Hợp tác xã	Khác	
1	Hợp tác xã Tiến Đạt	1. Nhà kho (trữ lúa)	300 m <sup>2</sup>	567	453,6		113,4		Năm 2017
		2. Xưởng sơ chế (gồm lò sấy công suất 10 tấn/ngày, máy sàng lọc công suất 2,5 tấn/giờ)	150m <sup>2</sup>	550	440		110		Năm 2017
		3. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	200 m <sup>2</sup>	378	302,4		75,6		Năm 2017
		4. Trạm bơm (bao gồm: 01 cống mở, trạm biến áp công suất 120 KVA, 05 mô tơ công suất 15 HP/mô tơ, công cụ, phương tiện vận hành trạm bơm).		1.500	1.200		300		Năm 2018
		5. 02 Cống	Rộng 3,5 m	800	640		160		Năm 2018
		6. Trụ sở	80 m <sup>2</sup>	160	128		32		Năm 2018
2	Hợp tác xã Nam Hưng	1. Xưởng sơ chế (gồm lò sấy công suất 10 tấn/ngày, máy sàng lọc công suất 2,5 tấn/giờ)	150m <sup>2</sup>	550	440		110		Năm 2017
		2. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	200 m <sup>2</sup>	378	302,4		75,6		Năm 2017
		3. Nhà kho (trữ lúa)	400 m <sup>2</sup>	800	640		160		Năm 2018
		4. Trụ sở	80 m <sup>2</sup>	160	128		32		Năm 2018



		5. Hệ thống kênh nội đồng	Bê tông, dài 1.440 m; rộng 0,5 m, dầy 0,15 m, cao 0,6 m	3.250	2.600	650	Năm 2018
3	Hợp tác xã Thanh Sơn	1. Trạm bơm tại cầu Trung ương Đoàn (bao gồm: 01 công mò, trạm biến áp công suất 50 KVA, 03 mô tơ công suất 15 HP/mô tơ, công cụ, phương tiện vận hành trạm bơm)		1.395,5	1.116,4	279,1	Năm 2017
		2. Trạm bơm tại cầu Ông Thảo (bao gồm: 01 công, trạm biến áp công suất 50 KVA, 0 mô tơ công suất 15 HP/mô tơ, công cụ, phương tiện vận hành trạm bơm)		547,5	438	109,5	Năm 2017
		3. 01 công tròn tại cầu Ông Sơn	Rộng 2 m, dài 8 m	200	160	40	Năm 2017
		4. Trụ sò (kết hợp của hàng, lò sấy, sàn lọc, các trang thiết bị vận hành)	240 m <sup>2</sup>	1.322,4	1.057,92	264,48	Năm 2018
		5. Nhà kho (trữ vật tư)	200 m <sup>2</sup>	480	384	96	Năm 2018
4	Hợp tác xã Vĩnh Cường	1. Nhà kho (trữ lúa)	400 m <sup>2</sup>	756	604,8	151,2	Năm 2017
		2. Lò sấy (bao gồm trang thiết bị phục vụ vận hành)	200 m <sup>2</sup>	378	302,4	75,6	Năm 2017
5	Hợp tác xã Quyết Tiến	1. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	200 m <sup>2</sup>	378	302,4	75,6	Năm 2017
		2. Trụ sò	50 m <sup>2</sup>	230	184	46	Năm 2018
6	Hợp tác xã Tiên Tiến	1. Trụ sò	50 m <sup>2</sup>	230	184	46	Năm 2018
		2. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	70 m <sup>2</sup>	285	228	57	Năm 2017
7	Hợp tác xã Thành Công	1. Nhà kho (kết hợp sàn lọc, công suất 2 tấn/ngày)	400 m <sup>2</sup>	1.100	880	220	Năm 2017
		2. Sân phơi	Bê tông 300 m <sup>2</sup>	600	480	120	Năm 2018
		3. Trụ sò	80 m <sup>2</sup>	160	128	32	Năm 2018
8	Hợp tác xã	1. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	200 m <sup>2</sup>	378	302,4	75,6	Năm 2017

	Thứ điểm	2. Trụ sở	50 m <sup>2</sup>	130	104		26	Năm 2018
9	Hợp tác xã 14/10	1. Cửa hàng vật tư (kết hợp kho)	150m <sup>2</sup>	375	300		75	Năm 2017
		2. Xưởng sơ chế (gồm lò sấy công suất 10 tấn/ngày, máy sàng lọc công suất 2,5 tấn/giờ)	150m <sup>2</sup>	550	440		110	Năm 2017
		3. Giao thông nội đồng	Bê tông, rộng 2 m, dài 2.000 m <sup>2</sup> , dày 0.08 - 0,1m	800	640		160	Năm 2018
10	Hợp tác xã Nông nghiệp Xanh	1. Lò sấy (bao gồm trang thiết bị phục vụ vận hành)	150 m <sup>2</sup> , 10 tấn/mé	200	160		40	Năm 2017
		2. Nhà kho (kết hợp của hàng vật tư)	800m <sup>2</sup>	1.512	1.209,2		302,4	Năm 2018
		3. Trụ sở	60 m <sup>2</sup>	160	128		32	Năm 2018
11	Hợp tác xã nuôi nghêu, sò Đông Tiến	1. Xưởng chế biến nghêu (bao gồm trang thiết bị phục vụ chế biến)	2.000 m <sup>2</sup>	4.900	3.920		980	Năm 2018
12	Hợp tác xã Doanh Điền	1. Hệ thống đê bao nội đồng		100	80		20	Năm 2017
		2. Giao thông nội đồng	Bê tông, rộng 2,5 m, dài 1.000 m <sup>2</sup> , dày 0,1m	920	736		184	Năm 2017
		3. Trụ sở	50 m <sup>2</sup>	130	104		26	Năm 2018
13	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Thành Công I	1. Xây dựng 08 công nội đồng	Rộng 4 m	3.200	2.560		640	Năm 2018
		2. Xây dựng 02 trạm bơm	Công suất 70 KVA	2.180	1.744		436	Năm 2018
		3. Trụ sở	50 m <sup>2</sup>	130	104		26	Năm 2018
14	Hỗ trợ hạ tầng cho các Hợp tác xã thực hiện liên kết sản xuất Hợp tác xã Artemia Vĩnh Châu							
- Hợp tác xã Thuận Phát	Hạ tầng vùng nuôi artemia tập trung	Diện tích 100 ha	1.000	800		200		Năm 2018

- Hợp tác xã Thuận Thành Phát	Hạ tầng vùng nuôi artemia tập trung	Diện tích 200 ha	2.000	1.600		400		Năm 2018
- Hợp tác xã Huy Điền	Hạ tầng vùng nuôi artemia tập trung	Diện tích 40 ha	400	320		80		Năm 2018
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>36.220,4</b>	<b>28.976,3</b>		<b>7.244,1</b>		

## Phụ lục 05:

**NHU CẦU VAY VỐN TÍN DỤNG MÁY MÓC THIẾT BỊ THỰC HIỆN  
CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ THAM GIA THỊ ĐIỂM**  
(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên HTX	Mục đích vay vốn	Tổng giá trị	Đề nghị vay	Vốn đối ứng HTX	Năm thực hiện	Ghi chú
<b>I. Nhu cầu vay vốn tín dụng mua máy móc, thiết bị</b>		<b>8.060</b>	<b>7.248</b>	<b>812</b>		
1. Hợp tác xã 14/10	Mua máy gặt đập liên hợp 01 máy, 1 máy kéo, 1 phà vận chuyển	900	900		Năm 2019	Vay theo Quyết định 68/2013/NĐ-CP
2. Hợp tác xã Thành Công	Mua máy gặt đập liên hợp 01 máy, 1 máy kéo, 1 phà vận chuyển	900	900		Năm 2019	
3. Hợp tác xã Thị điểm	Máy gặt đập liên hợp 01 máy, 1 máy kéo, 1 phà vận chuyển	900	900		Năm 2019	
4. Hợp tác xã Quyết tiến	- Mua máy cấy L2500 01 máy, 01 phà vận chuyển	400	400		Năm 2019	
	- Mua máy gặt đập liên hợp 01 máy, 1 máy kéo, 1 phà vận chuyển	900	900		Năm 2019	
5. HTX Thanh Sơn	- Mua máy xới làm đất 420 mã lực 02 máy, 02 phà vận chuyển	850	680	170	Năm 2020	
	- Mua máy gặt đập 02 máy, 02 máy kéo, 02 phà vận chuyển	1.800	1.440	360	Năm 2020	
	- Mua máy cấy 02 máy, 02 Phà vận chuyển	910	728	182	Năm 2020	
	- Mua máy cuộn gom 02 máy, 02 phà vận chuyển	500	400	100	Năm 2020	
<b>II. Nhu cầu vay tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh</b>			<b>3.900</b>			
1. Hợp tác xã 14/10			200		Năm 2018	Vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP
2. Hợp tác xã Nông nghiệp Xanh			700		Năm 2018	
3. Hợp tác xã Tiên Tiến			2.000		Năm 2018	
4. Hợp tác xã Thành Công			500		Năm 2018	
5. Hợp tác xã Thị điểm			500		Năm 2018	
<b>III. Tổng cộng:</b>			<b>11.148</b>	<b>812</b>		

Phụ lục số 06:

## TỔNG HỢP KINH PHÍ VÀ PHÂN KỶ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng 2017 - 2020	Phân kỳ thực hiện																	Chi chứ			
			Năm 2017					Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					
			Tổng	TW	ĐP	HTX	TD	Tổng	TW	ĐP	HTX	TD	Tổng	TW	ĐP	HTX	TD	Tổng	TW		ĐP	HTX	TD
1	Đào tạo hồi dưỡng	2.403,0	480,4	397,1	83,3		690,0	553,1	126,9			587,6	473,8	113,8		655,0	473,8	181,2					
a	Nâng cao năng lực cán bộ quản trị Hợp tác xã	444,75	88,95	84,0	4,95		177,9	168,0	9,90			88,95	84,0	4,95		88,95	84,0	4,95					
b	Bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật cho thành viên	326,9	46,7	30,0	16,7		93,4	60,0	33,4			93,4	60,0	33,4		93,4	60,0	33,4					
c	Đào tạo/ tập huấn chuyên đề cho cán bộ Hợp tác xã	355,8	88,95	70,0	18,95		88,95	70,0	18,95			88,95	70,0	18,95		88,95	70,0	18,95					
d	Đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn	319,75	63,95	42,0	22,0		127,90	84,0	43,9			63,95	42,0	22,0		63,95	42,0	22,0					
d	Đào tạo/ tập huấn cho đội ngũ cán bộ chức cấp xã	575,55	127,9	124,44	3,46		127,9	124,44	3,46			127,9	124,44		191,85	124,44	67,4						
e	Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về Hợp tác xã nông nghiệp	383,70	63,95	46,66	17,29		63,95	46,66	17,29			127,9	93,32	34,6		127,9	93,32	34,6					
2	Hỗ trợ tư vấn trực tiếp cho đội ngũ cán bộ quản lý	382,5	76,5		76,5		91,8		91,8			187,1		187,1		107,1		107,1					
3	Thành lập mới Hợp tác xã	2.113,15	520,16	502,5	17,66		520,16	502,5	17,66			520,16	502,5	17,66		552,67	502,5	50,17					
4	Xác định thương mại	1.675	367	367			508	508				400	400		400	400							
5	Kết cấu hệ thống cho Hợp tác xã	36.220,4	9.986	7.988,8		1.997,2	26.234,4	20.987,5	5.246,9														
a	Hỗ trợ về tư vấn làm việc	2.812,4					2.812,4	2.249,9	562,5														
b	Hỗ trợ về nhà kho	5.215	2.423	1.938,4		484,6	2.792	2.233,6	558,4														

		600			600	480		120															
e	Sản phẩm																						
d	Hỗ trợ về cửa hàng vật tư	2.172	2.172	1.737,6		434,4																	
d	Hỗ trợ về xưởng sơ chế, lò sấy, chế biến	7.128	2.228	1.782,4		445,6		4.900	3.920		- 980												
e	Hỗ trợ về giao thông nội đồng	1.720	920	736		184		800	640		160												
g	Hỗ trợ về hệ thống thủy lợi (Trạm bơm, cống, thủy lợi nội đồng, đê bao)	16.573	2.245	1.794,4		448,6		14.330	11.464		2.866												
6	Sửa chữa trạm bơm	500	500			500																	
7	Nạo vét kênh nội đồng	75	75			75																	
8	Hỗ trợ mua máy bơm	100	100			100																	
9	Nhu cầu vay tín dụng mua máy móc, thiết bị	8.060								4.000		4.000	4.060					812	3.248				
10	Nhu cầu vay vốn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh	3.900						3.900				3.900											
11	Thông tin tuyên truyền	320	80		80			80		80		80						80					
12	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh	1.748,28	428,28		428,28			440		440		440						440					
a	Dịch vụ công cộng				36,48			40,00		40,00		40,00						40,00					
b	Vật tư văn phòng				35			35		35		35						35					
c	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				15			15		15		15						15					
d	Hội nghị tổng kết, hội thảo				40			40		40		40						40					
e	Công tác phí				231,8			240		240		240						240					
8	Chi phí thuê mượn				10			10		10		10						10					
h	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				20			20		20		20						20					
k	Chi khác				40			40		40		40						40					
	Tổng:	57.497,3	12.613	9.255,4	1.360,7	1.997,2		32.454,4	22.551,3	756,4		5.246,9	3.900	6.135	1.376,3	758,6		4.000	6.294,8	1.376,3	858,5	812,0	3.248

Phụ lục số 07:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT TỜ CHỨC 01 LỚP ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ**

(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	<b>Chi phí tổ chức lớp</b>				49.150.000	
-	Thuê hội trường (theo thực tế)	Ngày	5	1.500.000	7.500.000	Tạm tính
-	Thuê trang thiết bị phục vụ giảng dạy (máy chiếu, máy tính xách tay) (theo thực tế)	Ngày	5	700.000	3.500.000	Tạm tính
-	In chứng chỉ/chứng nhận (theo thực tế)	Chứng chỉ	30	25.000	750.000	Tạm tính
-	Văn phòng phẩm (theo thực tế)	Bộ	30	25.000	750.000	Tạm tính
-	In tài liệu phục vụ lớp học (theo thực tế)	Bộ	30	40.000	1.200.000	Tạm tính
-	Thuê xe tham quan, khảo sát ngoài tỉnh (theo thực tế)	Ngày	2	5.000.000	10.000.000	Tạm tính
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên và ban tổ chức tham quan	Người x ngày	33 x 2	150.000	9.900.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
	Hỗ trợ tiền nghỉ đêm cho học viên và ban tổ chức tham quan	Người x đêm	33 x 1	250.000	8.250.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Tiền xăng xe đưa rước giảng viên, báo cáo viên (theo thực tế)	Ngày	5	100.000	500.000	Tạm tính
-	Nước uống cho học viên	Người x ngày	30 x 7	30.000	6.300.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
	Phục vụ lớp (theo thực tế)	Ngày	5	100.000	500.000	Tạm tính
2	<b>Chi hỗ trợ giảng viên, báo cáo viên</b>				12.500.000	
-	Thù lao giảng viên, báo cáo viên	Buổi	10	600.000	6.000.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
-	Tiền ăn giảng viên	Ngày	5	150.000	750.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Tiền nghỉ giảng viên (đối với giảng viên ngoài tỉnh)	Ngày	5	250.000	1.250.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Biên soạn giáo trình	Trang	100	45.000	4.500.000	Thông tư 123/2009/TT-BTC ngày 17/8/2009
3	<b>Chi hỗ trợ học viên</b>				27.300.000	
-	Chi tiền xe (đi và về) theo thực tế	Lượt	60	80.000	4.800.000	Tạm tính

-	Chi hỗ trợ tiền ăn	Người x ngày	30 x 5	50.000	7.500.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ	Người x đêm	30 x 5	100.000	15.000.000	QE 24/QĐ-UBND ngày 31/12/2010
4	<b>Tổng cộng</b>				<b>88.950.000</b>	

*Ghi chú:* Tổ chức tại tỉnh 30 người/lớp, 07 ngày/lớp; trong đó 5 ngày thực học, 02 ngày tham quan; Đối tượng: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán; nội dung: kỹ năng quản lý hợp tác xã, kỹ năng xây dựng phương án/kế hoạch sản xuất kinh doanh, kỹ năng tổ chức sản xuất và tham gia chuỗi giá trị nông sản,...; bồi dưỡng theo chuyên đề



Phụ lục số 08:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT TỔ CHỨC 01 LỚP ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CHO THÀNH VIÊN**  
(Kèm theo Quyết định số: 630/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chi phí tổ chức lớp</b>				<b>23.750.000</b>	
-	Thuê hội trường (theo thực tế)	Ngày	5	1.000.000	5.000.000	Tạm tính
-	Thuê trang thiết bị phục vụ giảng dạy (máy chiếu, máy tính xách tay) (theo thực tế)	Ngày	5	500.000	2.500.000	Tạm tính
-	In chứng chỉ/chứng nhận (theo thực tế)	Chứng chỉ	30	25.000	750.000	Tạm tính
-	Văn phòng phẩm (theo thực tế)	Lớp	1		500.000	Tạm tính
-	In tài liệu phục vụ lớp học (theo thực tế)	Bộ	30	40.000	1.200.000	Tạm tính
-	Tiền xăng xe đưa rước giảng viên, báo cáo viên (theo thực tế)	Ngày	7	1.000.000	7.000.000	Tạm tính
-	Nước uống cho học viên	Ngày/người	210	30.000	6.300.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Phục vụ lớp (theo thực tế)	Ngày	5	100.000	500.000	Tạm tính
<b>2</b>	<b>Chi hỗ trợ giảng viên, báo cáo viên</b>				<b>11.250.000</b>	
-	Thù lao giảng viên, báo cáo viên	Buổi	10	600.000	6.000.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
-	Tiền ăn giảng viên	Ngày	5	150.000	750.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Biên soạn giáo trình (biên soạn 01 lần cho tất cả các lớp đào tạo)	Trang	100	45.000	4.500.000	Thông tư 123/2009/TT-BTC ngày 17/8/2009
<b>3</b>	<b>Chi hỗ trợ học viên</b>				<b>11.700.000</b>	
-	Mua tài liệu (phổ số)	Bộ	30	40.000	1.200.000	Tạm tính
-	Chi hỗ trợ tiền ăn	Ngày/người	210	50.000	10.500.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
<b>4</b>	<b>Tổng cộng:</b>				<b>46.700.000</b>	

Ghi chú: Tổ chức tại Hợp tác xã, 30 người/lớp, 07 ngày/lớp; đối tượng: Thành viên Hợp tác xã; nội dung: Bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật sản xuất cho thành viên

-	Tiền nghỉ giảng viên	Ngày	5	250.000	1.250.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Biên soạn giáo trình	Trang	100	45.000	4.500.000	Thông tư 123/2009/TT-BTC ngày 17/8/2009
3	<b>Chi hỗ trợ học viên</b>				<b>1.500.000</b>	
-	Chi hỗ trợ tiền ăn	Người x ngày	30	50.000	1.500.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
4	<b>Tổng cộng:</b>				<b>63.950.000</b>	

*Ghi chú:* Tổ chức tại tỉnh 30 người/lớp, 07 ngày/lớp; trong đó 5 ngày thực học, 02 ngày tham quan; Đối tượng: Cán bộ các Sở, Ngành, Đoàn thể, cấp huyện, xã, ấp

Phụ lục 10:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ CÁN BỘ TƯ VẤN TRỰC TIẾP CHO HỢP TÁC XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Chi phí tư vấn HTX			Thành tiền	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Thông tư 139/2010/TT- BTC ngày 21/9/2010)		
1	Phụ cấp lưu trú cho 01 giảng viên Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II (5 chuyến x 2 ngày/chuyến)	Ngày	10	150.000	1.500.000	QĐ 24/QĐ-UBND ngày 31/12/2010
2	Phụ cấp lưu trú cho 01 cán bộ hỗ trợ Chi cục Phát triển nông thôn (5 chuyến x 2 ngày/chuyến)	Ngày	10	80.000	800.000	QĐ 24/QĐ-UBND ngày 31/12/2011
3	Tiền nghỉ giảng viên tại tỉnh (01 giảng viên ngoài tỉnh)	Đêm	10	250.000	5.000.000	QĐ 24/QĐ-UBND ngày 31/12/2010
4	Đưa đón giảng viên (từ trung tâm tỉnh đến Hợp tác xã)	Lượt (đi và về)	5	1.500.000	7.500.000	Tạm tính
5	Văn phòng phẩm giảng viên và hợp tác xã sử dụng lập kế hoạch, tập huấn các nội dung tư vấn	Đợt	5	100.000	500.000	Tạm tính
<b>Tổng chi phí cho 01 Hợp tác xã</b>				<b>1</b>	<b>15.300.000</b>	
Thực hiện năm 2017 (05 Hợp tác xã)				5	76.500.000	
Thực hiện năm 2018 (06 Hợp tác xã)				6	91.800.000	
Thực hiện năm 2019 (07 Hợp tác xã)				7	107.100.000	
Thực hiện năm 2020 (05 Hợp tác xã)				7	107.100.000	
<b>Thực hiện năm 2017 - 2020 (25 Hợp tác xã)</b>					<b>382.500.000</b>	

Ghi chú: Gồm 02 người; 01 người là giảng viên của Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II Thành phố Hồ Chí Minh tư vấn trực tiếp; 01 cán bộ Chi cục Phát triển nông thôn hỗ trợ; một năm giảng viên sẽ đến làm việc trực tiếp với Hợp tác xã 03 lần/năm, mỗi lần 02 ngày; Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II chỉ trả tiền xe, lưu trú cho cho giảng viên đến trung tâm tỉnh; địa phương chi trả theo chế độ công tác cho giảng viên trong quá trình làm việc tại Hợp tác xã.

Phụ lục số 11:

**DỰ TOÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ 01 CUỘC TUYÊN TRUYỀN, HƯỚNG DẪN, TỔ CHỨC  
HỘI NGHỊ VÀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

(Kèm theo Quyết định số: 630 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền về kinh tế tập thể</b>				<b>17.910.000</b>	
1	Thuê hội trường	Ngày	2	1.500.000	3.000.000	Tạm tính
2	Thuê âm thanh, máy chiếu, máy tính xách tay	Ngày	2	700.000	1.400.000	Tạm tính
3	Photo tài liệu	Bộ	30	40.000	1.200.000	Tạm tính
4	Tập, viết, sơ mi	Bộ	30	25.000	750.000	Tạm tính
5	Băng rôn	Cái	1	500.000	500.000	Tạm tính
6	Thù lao giảng viên, báo cáo viên	Buổi	4	500.000	2.000.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010
7	Phụ cấp phương tiện đi lại cho giảng viên, báo cáo viên	Lượt	2	150.000	300.000	Tạm tính
8	Hỗ trợ lưu trú cho giảng viên, báo cáo viên	Ngày	2	80.000	160.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
9	Tiền ăn học viên	Người x ngày	30 x 2	25.000	1.500.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
10	Nước uống cho học viên	Người x ngày	31 x 2	30.000	1.800.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
11	Biên soạn tài liệu	Trang	100	45.000	4.500.000	Thông tư 123/2009/TT-BTC ngày 17/8/2009
12	Công tác phí cho cán bộ trợ giảng	Người x ngày	2 x 2	200.000	800.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn thành lập mới Hợp tác xã</b>				<b>3.800.000</b>	
I	Tài liệu hướng dẫn Hợp tác xã, biểu mẫu báo cáo	Bộ	10	40.000	400.000	Tạm tính
3	Bồi dưỡng cán bộ tư vấn trực tiếp (2 người, 5 ngày)	Buổi	20	70.000	1.400.000	Thông tư 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016

4	Cống tác phí cho cán bộ tư vấn	Người x Ngày	2 x 5	200.000	2.000.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
III	Tổ chức hội nghị và đăng ký thành lập Hợp tác xã				10.800.000	
1	Hỗ trợ hội nghị thành lập Hợp tác xã				3.350.000	
-	Thuê hội trường (theo thực tế)	Ngày	1	1.500.000	1.500.000	Tạm tính
-	Photo tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	30	30.000	900.000	Tạm tính
-	Tiền ăn cho thành viên tham gia Hợp tác xã	Người	30	25.000	750.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Nước uống	Người	40	30.000	1.200.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
-	Băng gôl và trang trí hội nghị	Cái	1	500.000	500.000	Tạm tính
-	Cống tác phí cho cán bộ tư vấn	Người	2	200.000	400.000	Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010
2	Hỗ trợ đăng ký Hợp tác xã		1		1.100.000	
-	Lệ phí đăng ký Hợp tác xã	HTX	1	200.000	200.000	Tạm tính
-	Lệ phí khắc con dấu	Cái	1	500.000	500.000	Tạm tính
-	Tiền xe cho đại diện Hợp tác xã đi đăng ký và khắc con dấu (2 lượt đi về trong ngày)	Lượt	2	200.000	400.000	Tạm tính
<b>Tổng cộng:</b>					<b>32.510.000</b>	

Ghi chú: Tổ chức tại địa phương, tuyên truyền 30 người/cuộc trong 2 ngày; tư vấn 5 ngày; hội nghị thành lập 01 ngày.